

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2018

V/v ly hôn giữa ông H và bà L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1962 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1962 “ vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Huy H trình bày: Ông và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian dài. Đến tháng 5/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nên có ý định đầu độc ông. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông sinh được 04 con chung:

1. Nguyễn Việt C, sinh năm 1986;
2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1984;
3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;
4. Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1993.

Các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng ông đã tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2017, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày: Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống như ông H trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn là do ông H ham chơi, không chịu làm ăn, về nhà còn đánh đập ruồng bỏ vợ con. Ngoài ra ông H còn nghi ngờ bà bỏ thuốc độc vào rượu cho ông H uống. Từ tháng 5/2017 đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay bà và ông H mặc dù không còn tình cảm nhưng đã già rồi nên bà không muốn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà sinh được 04 con chung như ông H trình bày là đúng, Các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, ông H chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bà L vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; NQ35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Huy H và bà Bùi Thị L.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bà L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt bà L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Huy H và bà Bùi Thị L chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian dài. Đến tháng 5/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng và thông cảm cho nhau, sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên ông nhất quyết xin ly hôn bà L. Bà L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân, nhưng bà không muốn ly hôn là vì vợ chồng đã nhiều tuổi. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 31; Luật hôn nhân và gia đình; NQ35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xử cho ông H được ly hôn bà L.

[3] *Về con chung; tài sản và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; NQ35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Huy H và bà Bùi Thị L.

2. *Về án phí*: Ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002690 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. hời ằng xĐt xö s- thEm

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 22 tháng 01 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 381/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; NQ35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Huy H và bà Bùi Thị L.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. *Về án phí:* Ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002690 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 22 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên Dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Đỗ Thị Hoài Mơ

Tạ Thị Thu Thủy